

# Nguyễn Văn Vĩnh

(1882 - 1936)

## “NGƯỜI MAN DI” TÌM ĐƯỜNG KHAI SÁNG

### TAY KÉO TAI NGHE

Năm 1882, thực dân Pháp chiếm đóng Hà Nội cũng là lúc ông bà Nguyễn Văn Trực sinh cậu con trai đầu lòng Nguyễn Văn Vĩnh. Ông Trực nguyên người làng Phượng Vũ, phủ Thường Tín, gặp cảnh đói kém ra Hà Nội tìm việc, ở nhờ người bà con ở phố Hàng Giấy. Bấy giờ người Pháp đang rất cần có phiên dịch để “thông ngôn” với người Việt. Họ mở một lớp dạy tiếng Pháp ở ngay đình làng Yên Phụ. Năm ấy Vĩnh lên tám tuổi. Hằng ngày cậu đi chăn bò thuê trên bãi sông Hồng, vẫn hay lảng vảng đến bên đình, ngó vào xem các anh học trò học nói tiếng Tây xi la xi lô nghe thật vui tai.

Vĩnh cũng muốn được đi học như thế, về nhà thưa chuyện với cha. Ông Trực thấy lạ, nhưng cũng chiều con, đến dò hỏi người quét trường. Được biết có một người kéo quạt cho lớp vừa bỏ việc, thế là ông Trực xin cho con được nhận việc này.

Khi ấy Hà Nội chưa có điện, tất nhiên chưa có quạt máy. Trời nóng bức, học trò mồ hôi mồ kê nhễ nhại, thầy giáo là người Pháp lại càng khổ sở. Người ta khắc phục bằng cách lắp trên trần nhà hai cánh quạt lớn, rồi dùng dây dòn xuống để người ngồi ở dưới kéo cho cánh chuyển động, đẩy luồng không khí lưu thông làm thoáng mát lớp học. Đó chính là công việc hằng ngày hằng giờ của cậu bé Nguyễn Văn Vĩnh. Ngồi ở cuối lớp, tay kéo quạt không ngừng nghỉ, nhiều khi mỏi rã rời, nhưng Vĩnh vẫn cố tai nghe thầy giảng và thầm bắt chước cách phát âm. Sau ba năm như vậy, Vĩnh đã biết nói, biết viết tiếng Pháp không thua kém các anh lớn tuổi. Viên đốc học Tây thấy cậu bé kéo quạt thông minh ham học, đặc cách cho Vĩnh thi tốt nghiệp. Trong số 40 người dự thi, Vĩnh mới 11 tuổi và chỉ học lỏm, đã đỗ thứ 12.

Trong khi các anh lớn tuổi được tuyển dụng đi làm phiên dịch ngay, Vĩnh do còn nhỏ tuổi nên được cấp học bổng để học tiếp trường Thông ngôn niên khóa 1893-1895. Cậu không chỉ học theo chương trình mà còn tự tìm đọc rất nhiều sách văn học trong thư viện của trường. Sau hai năm học, Vĩnh đã đỗ thủ khoa!

## KHÔNG HỒ TIẾNG THỦ KHOA

Năm 1896, Công ty Hỏa xa Vân Nam của Pháp cử một đoàn chuyên gia khảo sát để mở tuyến đường sắt Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai sang Vân Nam, Trung Quốc. Trong lúc đang bí phiên dịch, họ thật mừng khi nghe tin sẽ được nhận về một người mới đỗ thủ khoa trường Thông ngôn. Nhưng khi thấy đó chỉ là một cậu bé mới lớn (Nguyễn Văn Vĩnh khi ấy mới 14 tuổi), họ rất lấy làm thất vọng. Song chỉ qua ít ngày, mọi người đều thay đổi thái độ, vì cậu nói tiếng Pháp lưu loát lại rất chịu khó học hỏi. Vĩnh còn tranh thủ học tiếng Hoa để giao tiếp với người Trung Quốc.

Việc xây dựng tuyến đường sắt bắt đầu từ cảng Hải Phòng, nên thời gian đầu Nguyễn Văn Vĩnh theo đoàn khảo sát về làm việc tại Tòa sứ Hải Phòng. Anh hay có dịp ra cảng, tiếp xúc với nhiều thủy thủ người Pháp, người Anh, người Hoa nên đã nhanh chóng học thêm được cả tiếng Anh và củng cố thêm tiếng Hoa. Chẳng bao lâu anh đã kiêm nhiệm phiên dịch cả ba thứ tiếng cho đoàn khảo sát, vì vậy công việc luôn tất bật. Song niềm khát khao học hỏi vẫn cháy bỏng trong anh. Một thủy thủ gạ bán cho anh trọn bộ sách giáo khoa trung học phổ thông của Pháp. Mặc dù giá rất đắt, Nguyễn Văn Vĩnh đã bỏ ra hơn nửa tháng lương để mua. Bộ sách đã trở thành sách gối đầu giường để anh tự học hết chương trình phổ thông, có đủ kiến thức để đọc các sách báo về văn học, triết học, chính trị... mượn từ các thủy thủ mang theo tàu.

Kết thúc công việc với đoàn khảo sát hỏa xa, Nguyễn Văn Vĩnh được cử làm thông ngôn cho Tòa sứ Bắc Giang. Viên công sứ Bắc Giang Hauser là một trí thức Pháp tiến bộ, có tư tưởng dân chủ, đánh giá cao năng lực và sự mẫn tiệp của Nguyễn Văn Vĩnh. Chẳng bao lâu ông này đã thăng chức cho anh làm chánh văn phòng của tòa sứ. Đến khi Hauser được chuyển về Hà Nội làm đốc lý tại phủ Thống sứ Bắc Kỳ, ông đã kéo Nguyễn Văn Vĩnh về theo để giúp việc. Về Hà Nội, sống ở phố Mã Mây, anh có nhiều bạn bè tây học ham hiểu biết, cùng nhau lập nhóm tự học, tự nghiên cứu nhiều lĩnh vực khoa học và văn hóa.

Ở phủ Thống sứ, Hauser phụ trách về văn hóa. Nguyễn Văn Vĩnh được giao giúp soạn thảo điều lệ, dịch thuật và đệ trình lên phủ Thống sứ xét thành lập một số hội và trường. Và như thế, có thể coi anh là thành viên sáng lập các tổ chức này. Với Hội Trí tri, anh đảm nhiệm việc diễn thuyết và nói chuyện về kiến thức khoa học phổ thông. Anh đã giúp nhóm Lương Văn Can thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục và trực tiếp tham gia giảng dạy tại đây. Khi chính quyền Pháp đóng cửa trường, anh cũng bị liên đới...

Năm 1906, xứ Bắc Kỳ lần đầu tham gia Hội chợ đấu xảo thuộc địa Marseilles. Là người lo việc chuẩn bị gian hàng, đốc lý Hauser tin nhiệm giao cho Nguyễn Văn Vĩnh đảm trách nhiều việc quan trọng, từ lập dự án, thu thập sản vật cho tới việc đưa thợ sang xây dựng và trang trí gian hàng trưng bày.

Tại Paris, Hauser giới thiệu anh với gia đình ông, tạo điều kiện cho anh đến thăm các bảo tàng, nhà in và tòa báo, tiếp

xúc với nhiều nhà trí thức nổi tiếng. Nguyễn Văn Vĩnh nhận thấy không phải tất cả người Pháp đều là “thực dân” mà nhiều người có tư tưởng tiến bộ. Anh được giới thiệu tham gia Hội Nhân quyền. Tiếp xúc với văn minh phương Tây, anh càng thấy dân ta nghèo khổ và ngu dốt quá so với thiên hạ. Nguyễn Văn Vĩnh tự thấy mình có trách nhiệm tìm đường khai sáng, mở mang dân trí. Anh hăm hở viết thư cho bạn, nêu quyết tâm mình sẽ là người đầu tiên làm công việc đó với niềm vui sướng, nguyện quên tất cả để dấn thân.

Khi trở về nước, anh xin thôi việc để toàn tâm toàn ý làm báo, viết báo, kết thúc 10 năm làm công chức cho nhà nước bảo hộ.

## “ÔNG TỔ BÁO CHÍ”

Khi mới 15 tuổi, Nguyễn Văn Vĩnh đã tập viết báo bằng tiếng Pháp, cộng tác với tờ *Courier d’Haiphong* (Thư tín Hải Phòng) và tờ *Tribune Indochinoise* (Diễn đàn Đông Dương). Sau khi từ Paris trở về, biết được lợi thế lớn lao của báo chí tác động đến xã hội, Nguyễn Văn Vĩnh quyết tâm ra báo bằng tiếng Việt.

Là người giúp việc đốc lí Hauser về các hoạt động văn hóa, ông có dịp làm quen và kết thân với Schneider, một trí thức tiến bộ và hào hiệp, đồng thời là một chuyên gia về làm báo và in ấn. Ông Schneider chính là người đã cho ra tờ *Tribune Indochinoise* bằng tiếng Pháp mà Nguyễn Văn Vĩnh từng



cộng tác khi trước. Biết được năng lực của người đồng nghiệp trẻ, ông mời Nguyễn Văn Vĩnh về phụ trách tờ *Đại Nam đồng văn nhật báo*. Nguyên đó là một dạng công báo của chính quyền, khi về làm chủ báo, ông Vĩnh đã chuyển đổi nó thành tờ *Đăng cổ tùng báo*, có nghĩa là “Khêu đèn giống trống”, cổ vũ cho việc dùng chữ Quốc ngữ và mở mang dân trí.

Do liên quan đến Đông Kinh Nghĩa Thục và kí tên đăng báo đòi thả Phan Chu Trinh, tờ báo bị đóng cửa và chủ bút Nguyễn Văn Vĩnh bị bắt. Nhưng vì ông là thành viên Hội Nhân quyền của Pháp nên được thả ra.

Không được phép ra báo bằng tiếng Việt, năm 1908 ông xin ra báo bằng tiếng Pháp và làm chủ bút tờ *Notre Journal* (Nhật báo của chúng ta). Báo này tồn tại được hai năm, ông

đổi thành tờ *Notre Revue* (Tập chí của chúng ta). Để theo nghề, ông lặn lội vào Nam ra Bắc, “đầu quân” cho nhiều tờ báo, nhưng vẫn tha thiết ra báo bằng tiếng Việt. Và Nguyễn Văn Vĩnh đã thực hiện được ước nguyện khi ông Schneider ra tờ tuần báo *Đông Dương tạp chí* ở Bắc Kỳ, mời ông làm chủ bút. Tờ báo này sau tách thành hai tờ là *Trung Bắc tân văn* và *Học báo*, đều do Nguyễn Văn Vĩnh kiêm nhiệm chủ bút. *Trung Bắc tân văn* là tờ báo tiếng Việt đầu tiên ra hàng ngày ở Bắc Kỳ. Bài vở cần rất nhiều, phần lớn đều do một tay ông Vĩnh lo liệu. Vì vậy trên báo ông sử dụng rất nhiều bút danh khác nhau: Tân Nam Tử, Đào Thị Loan, Tông Gia, Lang Gia, Mũi Tẹt Tử...

Tờ báo cuối cùng do Nguyễn Văn Vĩnh sáng lập là tờ *L'Annam Nouveau* (*Nước An Nam Mới*), ra trong khoảng thời gian 1931-1934.

### “NƯỚC NAM TA SAU NÀY HAY DỠ CŨNG Ở CHỮ QUỐC NGỮ”

Chữ Quốc ngữ ra đời, hoàn thiện và phát triển là nhờ công sức của rất nhiều người, trong đó Nguyễn Văn Vĩnh đã góp phần không nhỏ để nó trở thành chữ viết thông dụng của người Việt.

Câu nói để đời của ông là: “Nước Nam ta sau này hay dở cũng ở chữ Quốc ngữ” (viết trong lời tựa bản dịch *Tam Quốc Chí diễn nghĩa*). Có thể nói suốt cuộc đời mình, ông luôn

nghĩ cách “làm sao cho chữ Quốc ngữ trở thành chữ viết của dân tộc”. Ra báo, dịch sách chính là cách làm thiết thực giúp cho việc cổ vũ và phổ biến chữ Quốc ngữ. Chữ Quốc ngữ ban đầu phiên âm chưa thực sát với tiếng Việt, khi sử dụng, ông dần chỉnh sửa và hoàn thiện nó. Tờ *Đông Dương tạp chí* vì thế về sau được ông đổi tên thành *Học báo*. Trên tờ báo “khuyến học” này, ông viết cả những bài hướng dẫn viết cho đúng chính tả. Ông cũng là người đề xuất cách ghép các chữ cái để thay thế cho các chữ có dấu mà ngày nay chúng ta vẫn dùng trong điện tín và đánh văn bản tiếng Việt bằng máy tính (hai chữ O thành chữ Ô, O và W thành chữ Ơ, A và W thành chữ Ă, hai chữ A thành chữ Â...).

Để cho chữ Việt “lên ngôi”, ông tổ chức dịch hàng loạt sách tiếng Hán, tiếng Pháp ra tiếng Việt bằng lời văn gọn gàng, dùng nhiều thành ngữ tục ngữ gần với dân chúng. Thật ngạc nhiên, ông là nhà “tây học” nhưng chỉ qua tự học đã thông thạo cả chữ Hán, để có thể cùng nhà nho học Phan Kế Bính lần đầu tiên dịch *Tam Quốc Chí diễn nghĩa* ra tiếng Việt.

Khối lượng tác phẩm dịch thuật của Nguyễn Văn Vĩnh đến nay vẫn chưa thống kê hết được. Chỉ biết ông đã từng dịch *Những kẻ khốn nạn* (Victor Hugo), *Ba chàng ngự lâm pháo thủ* (Alexandre Dumas), *Truyện miếng da lừa* (Honoré de Balzac), *Gulliver du kí* (J. Swift), *Truyện trẻ con* (Contes de Perrault), *Hài kịch Molière*...

Ông cũng là người đầu tiên dịch và giới thiệu *Truyện Kiều* sang tiếng Pháp. Và đến năm 1924, ông lại cộng tác với người Pháp đưa kiệt tác này của Nguyễn Du lên màn ảnh, trở thành bộ phim điện ảnh đầu tiên của Việt Nam: *Kim Vân Kiều*.

Đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh trong lĩnh vực dịch thuật đặc biệt phải kể đến các bài thơ ngụ ngôn của La Fontaine mà ông bắt đầu dịch từ khi mới 16, 17 tuổi – cách đây đã hơn một thế kỉ. Cho đến nay, đã có thêm nhiều người dịch La Fontaine, nhưng khó ai có thể vượt qua được những vần thơ dịch vừa tự nhiên, vừa ngộ nghĩnh của ông, như:

*Ve sầu kêu ve ve  
Suốt mùa hè  
Đến kì gió bắc thổi  
Nguồn cơn thật bối rối  
Một miếng cũng chẳng còn...*

Với cách dịch khoáng đạt như thế, phải chăng Nguyễn Văn Vĩnh chính là người đi tiên phong tạo ra thể thơ mới không gò bó mà sau này, các nhà thơ từ Thế Lữ, Huy Thông, Lưu Trọng Lư đến Thâm Tâm, Trần Huyền Trân... sẽ tiếp thu và nâng cao thành phong trào Thơ Mới.

## MỖI NGƯỜI CÓ CÁCH YÊU NƯỚC RIÊNG

“Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” – đó là tư tưởng cách tân của cụ Phan Chu Trinh mà Nguyễn Văn Vĩnh luôn theo đuổi. Sống trong buổi giao thời, hai lần sang Pháp dự Hội chợ, Nguyễn Văn Vĩnh rất hi vọng vào việc nâng cao dân trí, đến một lúc nào đó trình độ nhân dân được nâng cao sẽ đứng lên đòi quyền độc lập tự chủ mà không phải bằng con đường bạo lực đổ máu.

Chính vì thế mà ông giống giả kêu gọi và trực tiếp tham gia vào phong trào xoá nạn mù chữ cho dân. Ông cũng không ngại viết hàng loạt bài đả kích những thói hư tật xấu, các hủ tục mê tín dị đoan của dân ta: Gi cũng cười, nói năng lộn xộn, học hời hợt; Thô tục, vô duyên, luộm thuộm; Học không biết cách, chỉ giỏi bắt chước; Thị hiếu tầm thường, thời gian phí phạm; Quá viển vông, tầm thường hóa, quá tin sách, tin ngưỡng nông; Huyền hồ, hay than vãn, học để thi; Thủ cựu, ngại thay đổi; Tầm nhìn hạn hẹp, cam chịu, lẩn lộn, kim hãm nhau; Ma to cổ nhớn; Thiếu gạo ăn, thừa giấy đốt...

Lấy bút danh là Tân Nam Tử, nhưng Nguyễn Văn Vĩnh vẫn tự coi mình là “người man di hiện đại” thoát thai từ trong khối dân chúng cần lao. Hẳn ông phải yêu dân mình nước mình thế nào mới đau đớn vạch ra những thói tật của người mình – những cái mà đến nay chúng ta vẫn cần nêu ra để làm tấm gương tự soi mà biết cách tránh, cách sửa...

Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh là đôi bạn thân, nhưng có quan điểm chính trị khác nhau. Giữa hai ông đã từng nổ ra một cuộc tranh luận sôi nổi trên báo chí: *Trực trị* hay *Lập hiến*. Ông Quỳnh cho là nước ta nên có vua nhưng theo chế độ lập hiến. Ông Vĩnh nhận xét, Nam Kỳ là thuộc địa Pháp nên dân trí tiến bộ hơn Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Vậy trước mắt hãy tham gia liên hiệp với Pháp rồi dần dần tự cường, theo như chủ trương của Phan Chu Trinh.

Chính vì có chính kiến như vậy, nên suốt một thời gian dài sau này ông Vĩnh bị quy là tay sai Pháp. Nhưng có thể cho rằng ông là người “ngậy thơ chính trị” chứ không thể phủ



nhận ông là một nhà ái quốc. Điều này thể hiện trong lá thư của ông gửi cụ Huỳnh Thúc Kháng năm 1932: “*Chúng ta đã gặp nhau trên con đường và người nào cũng cho là mình đi đúng hướng, chính là vì con đường đó chưa có. Giống như, rốt cùng, cả hai chúng ta đang đi tìm chân lí, thì không nhất thiết cứ phải đi theo cùng một hướng...*”

## ĐOẠN KẾT BI TRÁNG CỦA NGƯỜI KHÔNG LÒ

Lần ấy, trong buổi đón vua Khải Định tuần du Bắc Hà, các quan lại người Nam đều khúm núm đứng chấp tay làm lễ. Duy có Nguyễn Văn Vĩnh đường hoàng tiến đến bắt tay nhà vua, ngay sau viên Toàn quyền Pháp. Dư luận xôn xao ông Vĩnh phạm tội khi quân, cần phải trừng phạt. Vậy mà ông lại có tên trong danh sách bốn danh sĩ Bắc Hà được nhà vua ban thưởng kim bài. Song ông đã khí khái khước từ “ân sủng” đó. (Sau này, khi Bảo Đại lên làm vua, triều đình lại mời ông vào Huế nhận chức thượng thư, ông cũng từ chối để trở về với công việc làm báo của mình).

Nhà cầm quyền Pháp cũng tìm đủ cách mua chuộc ông, vì hơn ai hết họ đánh giá cao sự thông tuệ hiếm có của ông. Đã hai lần chính quyền Pháp trao cho ông Bắc đẩu bội tinh, huân chương cao quý nhất của nước Pháp, nhưng ông đều từ chối.

Không dùng được thì họ tìm cách gạt bỏ. Không có cơ hội thì họ tạo ra cơ để làm việc đó.

Sau năm 1930, nền kinh tế Đông Dương bị khủng hoảng nghiêm trọng, sách báo hầu như không bán được. Nhưng Nguyễn Văn Vĩnh vẫn quyết tâm ra tờ báo *L'Annam Courier* (Thư tín An Nam). Không có tiền, ông thế chấp nhà in để vay tiền Ngân hàng Đông Dương. Kể từ năm 1931, khi tờ báo ra đời, ông vừa phải lo trả nợ, vừa phải nai lưng viết bài, trang trải các chi phí để duy trì tờ báo. Hàng loạt bài phan phui nạn quan tham lại nhũng, đả kích giới tài phiệt thuộc địa, đấu tranh cho dân quyền... xuất hiện trên mặt báo, được bạn đọc hết sức hoan nghênh song cũng tạo cho ông vô số kẻ thù ở cả hai phía triều đình và chính quyền thực dân.

Rồi cái gì phải đến đã đến. Nguyễn Văn Vĩnh bị gọi ra tòa đúng lúc đang dự một cuộc họp của Đại hội đồng Kinh tế tài chính Đông Dương ở Sài Gòn. Ông bị Ngân hàng Đông Dương xiết nợ, đòi ông phải trả ngay lập tức. Tòa ra phán quyết tịch biên toàn bộ tài sản của ông. Nguyễn Văn Vĩnh bị đẩy đến trước hai lựa chọn: hoặc đi tù hoặc sang Lào... đào vàng tìm cơ may. Mặc dù cả nhà can ngăn, Nguyễn Văn Vĩnh đã chọn con đường phiêu lưu mạo hiểm đi tìm vàng. Chỉ một năm sau ông đã bị bệnh tật quật ngã, phải trở về Hà Nội chữa trị. Khỏi bệnh, ông lại tìm đường sang Lào. Ông cùng với một người bạn Pháp thuê một con đò và một người lái đò địa phương, ngày đêm lênh đênh trên dòng sông Sê Păng Hiêng với hi vọng mong manh sẽ đào được vàng. Ngày 1-5-1936, hai người đồng hành lên bờ tìm mua thức ăn, khi trở về thấy ông Vĩnh đã chết, trên tay vẫn cầm cây bút và trang bản thảo viết dở thiên phóng sự đi tìm vàng để đăng trên tờ *L'Annam Courier*. Ông chết vì bệnh sốt rét ác tính.



Sự ra đời của chữ Quốc ngữ - Cái chết siêu việt của ông Nguyễn Văn Vĩnh  
(Tranh của họa sĩ Nguyễn Đình Đăng)

Thi hài ông Vĩnh được đưa về Hà Nội. Hàng ngàn người tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng, trong đó người ta thấy đoàn các kĩ giả ba miền Bắc Trung Nam mang theo vòng hoa ghi dòng chữ: KÍNH VIẾNG ÔNG TỔ CỦA NGHỀ BÁO.

Đoạn kết đầy bi tráng của ông đã khép lại, để rồi phải ba phần tư thế kỉ sau, sự nghiệp ông mới lại được mở ra với những trang sử mới – trang sử của “một con người khổng lồ” theo cách gọi của nhà văn Nguyên Ngọc. Tên ông, nhà văn hóa khai sáng, nhà dịch thuật tài năng, ông tổ của nghề báo...

được đặt cho một đường phố ở Thành phố Hồ Chí Minh, được lấy làm tên cho một chương trình hỗ trợ xuất bản của Trung tâm Văn hóa Pháp L'Esace. Đặc biệt, câu nói của ông ngày nào càng với thời gian càng trở nên thấm thía và khiến cho mọi người Việt Nam tự trọng phải suy nghĩ trước những vấn đề đang đặt ra cho tiếng Việt hiện nay: “NƯỚC NAM TA SAU NÀY HAY DỠ CŨNG Ở CHỮ QUỐC NGỮ”...

## NHỮNG NGƯỜI CON NỔI TIẾNG

Ông Vĩnh có tới 11 người con. Ông mất đi không để lại gia tài gì, nhưng các con ông nhiều người đã tiếp bước cha lập nên sự nghiệp. Trong đó được biết:

- Nguyễn Dực, người con cả, đã hiến tất cả của cải cho Đài Tiếng nói Việt Nam ngay trong buổi đầu thành lập. Ông cũng là người phụ trách âm thanh trong buổi lễ Tuyên ngôn Độc lập, 2- 9-1945.

- Nguyễn Nhược Pháp, nhà thơ tài hoa mệnh yếu (mất năm 24 tuổi) đã để lại cho đời bài thơ bất hủ *Chùa Hương*.

- Nguyễn Phùng, giáo sư Đại học Luật Montpellier, một thành phố ở miền Nam nước Pháp. Tên ông được đặt cho một đường phố đẹp ở đây.

- Nguyễn Giang, nhà thơ và họa sĩ, cộng tác với các báo *Âu Tây tư tưởng* và *Đông Dương tạp chí*. Có tên trong *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh - Hoài Chân.

## MẠM ĐÀM VỀ NGƯỜI MAN DI HIỆN ĐẠI

Đó là tiêu đề bộ phim tài liệu dài gần bốn tiếng đồng hồ về Nguyễn Văn Vĩnh, người từng tự nhận mình là “Người man di hiện đại”. Bộ phim do Trần Văn Thủy đạo diễn và cháu nội ông Vĩnh bỏ tiền riêng (bằng cách thế chấp nhà) để thực hiện, đã dựng lại chân dung xác thực của học giả Nguyễn Văn Vĩnh.

Trong phim đã sử dụng một khối lượng tư liệu đồ sộ cho thấy tầm vóc khổng lồ của Nguyễn Văn Vĩnh trên con đường khai sáng vào buổi giao thời của đất nước.

Các nhà sử học, nhà khoa học, nhà báo “mạm đàm” trong phim đều coi Nguyễn Văn Vĩnh là một nhà canh tân tiên phong, giàu lòng yêu nước, đã có đóng góp to lớn đối với nền văn học và văn hóa của đất nước. Bộ phim đã xua tan mọi ngộ nhận vướng víu bấy lâu về một nhân cách đã từng bị gán “tội danh” là tay sai của giặc.

Đạo diễn Trần Văn Thủy thổ lộ: *“Mỗi người có cách yêu nước riêng. Tôi làm bộ phim không chỉ để đánh giá lại công lao của cụ Nguyễn Văn Vĩnh. Một người dám tự nhận là “người man di hiện đại” nghĩa là đang dũng cảm nhìn mình bằng con mắt ở bên ngoài để phê phán trình độ văn minh của dân tộc mình”*.

## Mục lục

- **Nguyễn Văn Vĩnh** (1882 - 1936)  
*“Người man di” tìm đường khai sáng* . . . . . 9
- **Nguyễn Công Tiểu** (1892 - 1976)  
*Nhà khoa học đầu tiên là một nhà “khuyến nông”* . . . . . 24
- **Nguyễn Văn Tố** (1889 - 1947)  
*Tài năng và phẩm cách* . . . . . 40
- **Trần Văn Giáp** (1898 - 1973)  
*Cây đại thụ trong rừng Hán Nôm* . . . . . 52
- **Nguyễn An Ninh** (1900 - 1943)  
*“Nhà yêu nước vĩ đại”* . . . . . 66
- **Cao Xuân Huy** (1900 - 1983)  
*Người hiến với đạo trồng người* . . . . . 83
- **Trần Huy Liệu** (1901 - 1969)  
*Một nhà sử học “rất con người”* . . . . . 98
- **Đào Duy Anh** (1904 - 1988)  
*Người khổng lồ khiêm tốn* . . . . . 115
- **Nguyễn Cao Luyện** (1907 - 1987)  
*Từ mái nhà tranh đến kiến trúc hiện đại* . . . . . 127
- **Nguyễn Xiển** (1907 - 1997)  
*Nhà khí tượng học đầu ngành* . . . . . 138
- **Nguyễn Văn Huyền** (1905 - 1975)  
*Người đặt nền móng cho ngành nghiên cứu  
văn hoá Việt Nam* . . . . . 149
- **Hoàng Xuân Hãn** (1908 - 1996)  
*Nhà trí thức bách khoa* . . . . . 163
- **Phạm Ngọc Thạch** (1909 - 1968)  
*“Người hiến vĩ đại”* . . . . . 178



• <b>Đặng Văn Ngữ</b> (1910 - 1967) <i>Nhà khoa học vì Tổ quốc trên hết.</i> . . . . .	189
• <b>Tạ Quang Bửu</b> (1910 - 1986) <i>Nhà thông thái khơi nguồn tài trí.</i> . . . . .	201
• <b>Trần Văn Giàu</b> (1911 - 2010) <i>Nhà cách mạng lỗi lạc - sử gia kiệt xuất</i> . . . . .	216
• <b>Tôn Thất Tùng</b> (1912 - 1982) <i>Bàn tay và khối óc nhà khoa học lớn.</i> . . . . .	228
• <b>Trần Đại Nghĩa</b> (1913 - 1997) <i>Vĩ nghĩa lớn</i> . . . . .	240
• <b>Nguyễn Đạt Xường</b> (1914 - 2006) <i>Từ cậu bé chăn trâu đến “Tây Âu khoa học” gia</i> . . . . .	256
• <b>Trần Đức Thảo</b> (1917 - 1993) <i>Nhà triết học dẫn thân và dẫn bước</i> . . . . .	270
• <b>Đỗ Tất Lợi</b> (1919 - 2008) <i>Ông vua dược liệu Việt Nam</i> . . . . .	281
• <b>Nguyễn Văn Chiến</b> (1919 - 2009) <i>Người mở đường cho ngành địa chất ở Việt Nam</i> . . . . .	292
• <b>Hoàng Tuy</b> (1927 - 2019) <i>Cha đẻ của Quy hoạch tối ưu</i> . . . . .	303
• <b>Võ Quý</b> (1929 - 2017) <i>“Hiệp sĩ” bảo vệ môi trường</i> . . . . .	315
• <b>Nguyễn Văn Hiệu</b> (1938 - 2022) <i>Đường tới đỉnh cao khoa học</i> . . . . .	324
• <b>Ngô Bảo Châu</b> (sinh năm 1972) <i>Đỉnh cao trí tuệ Việt</i> . . . . .	335
<b>Tài liệu tham khảo</b> . . . . .	347